

98. Thủ tục chia công ty TNHH 1 thành viên**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là chủ sở hữu hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty mới được chia (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty mới được chia;

+ Danh sách người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu mô hình hội đồng thành viên;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu chủ sở hữu là tổ chức:

- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Quyết định chia công ty của chủ sở hữu;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN mới được chia kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN mới được chia kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị chia.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị chia;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với doanh nghiệp mới được chia.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty TNHH 1 thành viên;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên

riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì

người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Chủ sở hữu

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- + Luật Điện ảnh;
- + Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- + Các luật chuyên ngành khác;
- + Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.
- + Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;
- + Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- + Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- + Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;
- + Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- + Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.
- + Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối

hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và

Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa) Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty TNHH một thành viên với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Tên chủ sở hữu: (ghi bằng chữ in hoa)

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Mô hình tổ chức công ty: Chủ tịch công ty

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

5. Vốn điều lệ:

6. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....

7. Tên, địa chỉ chi nhánh:

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

9. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.
- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa chỉ: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh:

-
-
-

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

11	<p>Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (Nếu có thì đánh dấu X)</p> <p>Sáp nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Hợp nhất doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Tách doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Chia doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p>
<p>Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi:</p> <p>- Mục lục ngân sách: cấp: chương loại: khoản:</p> <p>- Mã ngành nghề kinh doanh chính:</p> <p>- Phương pháp tính thuế GTGT:</p> <p>khấu trừ trực tiếp trên GTGT trực tiếp trên doanh số</p> <p>khoán không phải nộp thuế GTGT</p> <p>- Chi tiết mã loại hình kinh tế:</p> <p>- Nơi đăng ký nộp thuế:</p> <p>- Khu vực kinh tế:</p> <p>Kinh tế nhà nước kinh tế có vốn ĐTNN kinh tế tập thể</p> <p>Kinh tế cá thể kinh tế tư nhân</p> <p style="text-align: right;">Ngày kiểm tra tờ khai: / /</p> <p style="text-align: right;">Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

99. Thủ tục tách công ty TNHH 1 thành viên**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là chủ sở hữu hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty mới được tách (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty mới được tách;

+ Danh sách người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu mô hình hội đồng thành viên;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu chủ sở hữu là tổ chức:

• Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

• Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Quyết định tách công ty của chủ sở hữu;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN mới được tách kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN mới được tách kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị tách.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị tách;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với doanh nghiệp mới được tách.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty TNHH 1 thành viên;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Chủ sở hữu

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- + Các luật chuyên ngành khác;
- + Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.
- + Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;
- + Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- + Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- + Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;
- + Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- + Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- + Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành

phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa) Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty TNHH một thành viên với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Tên chủ sở hữu: (ghi bằng chữ in hoa)

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Mô hình tổ chức công ty: Chủ tịch công ty

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

5. Vốn điều lệ:

6. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....

7. Tên, địa chỉ chi nhánh:

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

9. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.
- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa chỉ: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh:

-

-

-

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

11	<p>Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (Nếu có thì đánh dấu X)</p> <p>Sáp nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Hợp nhất doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Tách doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Chia doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p>
<p>Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi:</p> <p>- Mục lục ngân sách: cấp: chương loại: khoản:</p> <p>- Mã ngành nghề kinh doanh chính:</p> <p>- Phương pháp tính thuế GTGT:</p> <p>khấu trừ trực tiếp trên GTGT trực tiếp trên doanh số</p> <p>khoán không phải nộp thuế GTGT</p> <p>- Chi tiết mã loại hình kinh tế:</p> <p>- Nơi đăng ký nộp thuế:</p> <p>- Khu vực kinh tế:</p> <p>Kinh tế nhà nước kinh tế có vốn ĐTNN kinh tế tập thể</p> <p>Kinh tế cá thể kinh tế tư nhân</p> <p style="text-align: right;">Ngày kiểm tra tờ khai: / /</p> <p style="text-align: right;">Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

100. Thủ tục hợp nhất các công ty TNHH 1 thành viên**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là chủ sở hữu hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty hợp nhất (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất;

+ Danh sách người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu mô hình hội đồng thành viên;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực.

+ Nếu chủ sở hữu là tổ chức:

• Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

• Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Hợp đồng hợp nhất công ty

+ Biên bản họp của chủ sở hữu về việc hợp nhất công ty

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN hợp nhất kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN hợp nhất kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị hợp nhất.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị hợp nhất;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với công ty hợp nhất.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty TNHH 1 thành viên;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Chủ sở hữu

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh

không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa) Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty TNHH một thành viên với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Tên chủ sở hữu: (ghi bằng chữ in hoa)

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Mô hình tổ chức công ty: Chủ tịch công ty

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

5. Vốn điều lệ:

6. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....

7. Tên, địa chỉ chi nhánh:

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

9. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.
- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa chỉ: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh:

-

-

-

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

11	<p>Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (Nếu có thì đánh dấu X)</p> <p>Sáp nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Hợp nhất doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Tách doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Chia doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p>
<p>Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi:</p> <p>- Mục lục ngân sách: cấp: chương loại: khoản:</p> <p>- Mã ngành nghề kinh doanh chính:</p> <p>- Phương pháp tính thuế GTGT:</p> <p>khấu trừ trực tiếp trên GTGT trực tiếp trên doanh số</p> <p>khoán không phải nộp thuế GTGT</p> <p>- Chi tiết mã loại hình kinh tế:</p> <p>- Nơi đăng ký nộp thuế:</p> <p>- Khu vực kinh tế:</p> <p>Kinh tế nhà nước kinh tế có vốn ĐTNN kinh tế tập thể</p> <p>Kinh tế cá thể kinh tế tư nhân</p> <p style="text-align: right;">Ngày kiểm tra tờ khai: / /</p> <p style="text-align: right;">Người kiểm tra</p> <p style="text-align: right;">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

101. Thủ tục chia công ty TNHH 2 thành viên trở lên**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là thành viên hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty mới được chia (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty mới được chia;

+ Danh sách thành viên công ty;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực thành viên và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu thành viên là tổ chức:

• Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

• Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Quyết định chia công ty của hội đồng thành viên;

+ Biên bản họp Hội đồng thành viên về việc chia công ty;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN mới được chia kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN mới được chia kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị chia.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị chia;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với doanh nghiệp mới được chia.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty TNHH 2 thành viên trở lên;

+ Danh sách thành viên.

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh

tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Thành viên

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: *(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)* Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND)*:.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty TNHH với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: *(ghi bằng chữ in hoa)* CÔNG TY TNHH.....
 Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:
 Tên công ty viết tắt *(nếu có)*:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

4. Vốn điều lệ:
 - Tổng số:
 - Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại Danh sách thành viên.

5. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....

6. Tên, địa chỉ chi nhánh:

7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.

- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa chỉ: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề
nghị đăng ký kinh doanh:

-

-

-

Mẫu Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ
HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân hoặc Giấy CN ĐKKD đối với doanh nghiệp, hoặc QĐ thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp (tỉệu đồng)				Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Tổng giá trị vốn góp	Sở hữu vốn	Phần vốn góp (%)	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

TP. Hồ Chí Minh, ngày.... tháng..... năm....

Đại diện theo pháp luật của công ty

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

11	<p>Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (Nếu có thì đánh dấu X)</p> <p>Sáp nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Hợp nhất doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Tách doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Chia doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p>
<p>Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi:</p> <p>- Mục lục ngân sách: cấp: chương loại: khoản:</p> <p>- Mã ngành nghề kinh doanh chính:</p> <p>- Phương pháp tính thuế GTGT:</p> <p>khấu trừ trực tiếp trên GTGT trực tiếp trên doanh số</p> <p>khoản không phải nộp thuế GTGT</p> <p>- Chi tiết mã loại hình kinh tế:</p> <p>- Nơi đăng ký nộp thuế:</p> <p>- Khu vực kinh tế:</p> <p>Kinh tế nhà nước kinh tế có vốn ĐTNN kinh tế tập thể</p> <p>Kinh tế cá thể kinh tế tư nhân</p> <p style="text-align: right;">Ngày kiểm tra tờ khai: / /</p> <p style="text-align: right;">Người kiểm tra</p> <p style="text-align: right;">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

102. Thủ tục tách công ty TNHH 2 thành viên trở lên**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là thành viên hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty mới được tách (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty mới được tách;

+ Danh sách thành viên công ty;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực thành viên và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu thành viên là tổ chức:

• Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

• Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Quyết định tách công ty của Hội đồng thành viên;

+ Biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tách công ty;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN mới được chia kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN mới được tách kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị tách.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị tách;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với doanh nghiệp mới được tách.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty TNHH 2 thành viên trở lên;

+ Danh sách thành viên.

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh

tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Thành viên

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa) Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty TNHH với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa) CÔNG TY TNHH.....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

4. Vốn điều lệ:

- Tổng số:

- Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại Danh sách thành viên.

5. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....
6. Tên, địa chỉ chi nhánh:
7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:
8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
 - Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
 - Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.
- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa **chỉ**: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề
nghị đăng ký kinh doanh:

-
-
-

Mẫu Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ
HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân hoặc Giấy CN ĐKKD đối với doanh nghiệp, hoặc QĐ thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp (tỉệu đồng)				Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Tổng giá trị vốn góp	Sở hữu vốn	Phần vốn góp (%)	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

TP. Hồ Chí Minh, ngày.... tháng..... năm....

Đại diện theo pháp luật của công ty

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

11	<p>Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (Nếu có thì đánh dấu X)</p> <p>Sáp nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Hợp nhất doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Tách doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Chia doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p>
<p>Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi:</p> <p>- Mục lục ngân sách: cấp: chương loại: khoản:</p> <p>- Mã ngành nghề kinh doanh chính:</p> <p>- Phương pháp tính thuế GTGT:</p> <p>khấu trừ trực tiếp trên GTGT trực tiếp trên doanh số</p> <p>khoản không phải nộp thuế GTGT</p> <p>- Chi tiết mã loại hình kinh tế:</p> <p>- Nơi đăng ký nộp thuế:</p> <p>- Khu vực kinh tế:</p> <p>Kinh tế nhà nước kinh tế có vốn ĐTNN kinh tế tập thể</p> <p>Kinh tế cá thể kinh tế tư nhân</p> <p style="text-align: right;">Ngày kiểm tra tờ khai: / /</p> <p style="text-align: right;">Người kiểm tra</p> <p style="text-align: right;">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

103. Thủ tục sáp nhập các công ty TNHH 2 thành viên trở lên**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là thành viên hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (ngành, vốn, thành viên);

- + Quyết định của Hội đồng thành viên của công ty nhận sáp nhập về việc thay đổi (ngành, vốn, thành viên);
 - + Biên bản họp Hội đồng thành viên nhận sáp nhập về việc thay đổi (ngành, vốn, thành viên);
 - + Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN sáp nhập kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);
 - + Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN sáp nhập kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);
 - + Hợp đồng sáp nhập có chữ ký của tất cả thành viên;
 - + Quyết định của Hội đồng thành viên của công ty bị sáp nhập về việc sáp nhập vào công ty nhận sáp nhập;
 - + Biên bản họp của Hội đồng thành viên của công ty bị sáp nhập về việc sáp nhập vào công ty nhận sáp nhập;
 - + Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của thành viên và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..
 - + Nếu thành viên là tổ chức:
 - Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;
 - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;
 - + Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của công ty bị sáp nhập
 - + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị sáp nhập;
- * Số lượng: 01 bộ.
- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
 - **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức
 - **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**
- * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Thành viên

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP
(Thay đổi lần thứ.....)

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh.....

1. Tên doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*.....
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Do: Cấp ngày:/...../.....
Vốn điều lệ (Vốn đầu tư):.....
Ngành, nghề đăng ký kinh doanh:

Số TT	Mã ngành	Tên ngành

Địa chỉ trụ sở chính:
.....
Điện thoại: Fax:
Email: Website:

2. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*
.....Nam/nữ
Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:.....
Chứng minh nhân dân số:
Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu có)*:.....
Số giấy chứng thực cá nhân:..... Ngày cấp:...../...../..... Cơ quan cấp:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

Đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh như sau:

1. Ngành nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi: *(đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh)*

Số TT	Mã ngành	Tên ngành

2. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến: (đối với trường hợp đăng ký thay đổi trụ sở chính)

.....

3. Tên doanh nghiệp dự kiến thay đổi: (đối với trường hợp đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp)

.....

4. Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh/Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần

(Đối với thay đổi thành viên hợp danh, ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cư trú của thành viên hợp danh mới; của thành viên hợp danh bị khai trừ hoặc tự nguyện rút khỏi công ty;

(Đối với thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chức danh, nơi cư trú của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty)

.....

5. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thay đổi vốn Điều lệ công ty (đối với trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ).

(Đối với thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân, ghi: Mức vốn đăng ký thay đổi, phương thức và thời điểm thay đổi vốn đầu tư

Đối với thay đổi vốn điều lệ của công ty, ghi: Tên, địa chỉ, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số quyết định thành lập, số đăng ký kinh doanh của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu và người được ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần; Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoặc của mỗi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, tỷ lệ sở hữu được ủy quyền của từng đại diện ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình Hội đồng thành viên; vốn điều lệ dự định tăng thêm hoặc giảm xuống; thời điểm góp thêm vốn hoặc thời điểm hoàn trả lại vốn và phương thức hoàn trả).

.....

6. Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần/thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (đối với trường hợp đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn).

(Đối với đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần, ghi: Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, ngày cấp, nơi cấp, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, phần vốn góp của cổ đông sáng lập không thực hiện cam kết góp vốn. Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của các cổ đông sáng lập còn lại đối với trường hợp các cổ đông sáng lập còn lại nhận góp bù cho đủ vốn; Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, ngày cấp, nơi cấp, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của người nhận góp bù đối với những trường hợp người nhận góp bù không phải là cổ đông sáng lập.

Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, ghi: Tên, trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức, họ tên, quốc tịch, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện

tại đối với thành viên là cá nhân; giá trị vốn góp và phần vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới; Phần vốn góp đã thay đổi tương ứng đối với thành viên hiện có sau khi tiếp nhận thêm thành viên mới; trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế: ghi họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, phần vốn góp của thành viên để lại thừa kế; Họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp của từng người nhận thừa kế, thời điểm thừa kế)

7. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động theo quyết định của Tòa án (đối với trường hợp đăng ký thay đổi theo quyết định của Tòa án)

Tên Tòa án:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Bản án/quyết định số:

Nội dung đăng ký thay đổi, bổ sung:

Doanh nghiệp cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

....., ngày tháng năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/
CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/CHỦ TỊCH CÔNG TY/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Kèm theo thông báo:

-

-

-

104. Thủ tục hợp nhất các công ty TNHH 2 thành viên trở lên**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là thành viên hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty hợp nhất (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất;

+ Danh sách thành viên công ty hợp nhất;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của thành viên và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu thành viên là tổ chức:

• Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

• Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Hợp đồng hợp nhất công ty;

+ Biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc hợp nhất công ty;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN hợp nhất kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN hợp nhất kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị hợp nhất.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị hợp nhất;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với công ty hợp nhất.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty TNHH 2 thành viên trở lên;

+ Danh sách thành viên.

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh

tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Thành viên

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa) Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty TNHH với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa) CÔNG TY TNHH.....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

4. Vốn điều lệ:

- Tổng số:

- Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại Danh sách thành viên.

5. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....
6. Tên, địa chỉ chi nhánh:
7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:
8. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
 - Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
 - Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.
- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa chỉ: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề
nghị đăng ký kinh doanh:

-
-
-

Mẫu Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ
HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân hoặc Giấy CN ĐKKD đối với doanh nghiệp, hoặc QĐ thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp (tỉệu đồng)				Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Tổng giá trị vốn góp	Sở hữu vốn	Phần vốn góp (%)	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

TP. Hồ Chí Minh, ngày.... tháng..... năm....
Đại diện theo pháp luật của công ty
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

11	<p>Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (Nếu có thì đánh dấu X)</p> <p>Sáp nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Hợp nhất doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Tách doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Chia doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p>
<p>Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi:</p> <p>- Mục lục ngân sách: cấp: chương loại: khoản:</p> <p>- Mã ngành nghề kinh doanh chính:</p> <p>- Phương pháp tính thuế GTGT:</p> <p>khấu trừ trực tiếp trên GTGT trực tiếp trên doanh số</p> <p>khoán không phải nộp thuế GTGT</p> <p>- Chi tiết mã loại hình kinh tế:</p> <p>- Nơi đăng ký nộp thuế:</p> <p>- Khu vực kinh tế:</p> <p>Kinh tế nhà nước kinh tế có vốn ĐTNN kinh tế tập thể</p> <p>Kinh tế cá thể kinh tế tư nhân</p> <p style="text-align: right;">Ngày kiểm tra tờ khai: / /</p> <p style="text-align: right;">Người kiểm tra</p> <p style="text-align: right;">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

105. Thủ tục chia công ty cổ phần

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là cổ đông sáng lập hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty mới được chia (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty mới được chia;

+ Danh sách cổ đông sáng lập công ty;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực thành viên và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu cổ đông sáng lập là tổ chức:

• Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

• Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Quyết định chia công ty của Đại hội đồng cổ đông;

+ Biên bản họp đại hội đồng cổ đông về việc chia công ty;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN mới được chia kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN mới được chia kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị chia.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị chia;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với doanh nghiệp mới được chia.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty cổ phần;

+ Danh sách cổ đông sáng lập.

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh

tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Cổ đông sáng lập

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty cổ phần

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa) Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty cổ phần với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: (*ghi bằng chữ in hoa*) CÔNG TY CP.....
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):
- Tên công ty viết tắt (*nếu có*):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
- Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

4. Vốn điều lệ:
- Tổng số cổ phần:
- Mệnh giá cổ phần:

5. Số cổ phần, loại cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua:
6. Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán:
7. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....
8. Tên, địa chỉ chi nhánh:.....
9. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:
10. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các cổ đông sáng lập cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng

ký kinh doanh.

- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa chỉ: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề

ngợi đăng ký kinh doanh:

-
-
-

Mẫu Danh sách thành viên cổ đông sáng lập công ty cổ phần

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân hoặc Giấy CNĐKKD đối với doanh nghiệp, hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp								Chữ ký của cổ đông sáng lập
									Tổng số cổ phần		Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn		
									Số lượng	Giá trị	Số hữu vốn	Phổ thông				
												Số lượng	Giá trị	Số lượng		Giá trị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

....., ngày tháng năm
 Đại diện theo pháp luật của công ty
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột 11 ghi tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập.
- Tài sản hình thành tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản trị góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản trị góp vốn cổ phần; thời điểm trị góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.
- Sở hữu vốn: Nhà nước (NN), Dân doanh (DD), tổ chức chính trị, xã hội (TCCT, TCXH), Việt kiều (VK), Nước ngoài (Ngoài).
- Thời điểm góp vốn: Vốn cổ phần của cổ đông sáng lập phải được góp đủ ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

11	<p>Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (Nếu có thì đánh dấu X)</p> <p>Sáp nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Hợp nhất doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Tách doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p> <p>Chia doanh nghiệp <input type="checkbox"/></p>
<p>Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi:</p> <p>- Mục lục ngân sách: cấp: chương loại: khoản:</p> <p>- Mã ngành nghề kinh doanh chính:</p> <p>- Phương pháp tính thuế GTGT:</p> <p>khấu trừ trực tiếp trên GTGT trực tiếp trên doanh số</p> <p>khoán không phải nộp thuế GTGT</p> <p>- Chi tiết mã loại hình kinh tế:</p> <p>- Nơi đăng ký nộp thuế:</p> <p>- Khu vực kinh tế:</p> <p>Kinh tế nhà nước kinh tế có vốn ĐTNN kinh tế tập thể</p> <p>Kinh tế cá thể kinh tế tư nhân</p> <p style="text-align: right;">Ngày kiểm tra tờ khai: / /</p> <p style="text-align: right;">Người kiểm tra</p> <p style="text-align: right;">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

106. Thủ tục tách công ty cổ phần**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là cổ đông sáng lập hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty mới được tách (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty mới được tách;

+ Danh sách cổ đông công ty được tách;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu cổ đông sáng lập là tổ chức:

• Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

• Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Quyết định tách công ty của Đại hội đồng cổ đông;

+ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về việc tách công ty;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN mới được tách kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN mới được tách kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị tách.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị tách;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với doanh nghiệp mới được tách.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty cổ phần;

+ Danh sách cổ đông sáng lập;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh

tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Cổ đông sáng lập

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty cổ phần

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa) Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty cổ phần với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: (*ghi bằng chữ in hoa*) CÔNG TY CP.....
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):
- Tên công ty viết tắt (*nếu có*):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
- Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

4. Vốn điều lệ:
- Tổng số cổ phần:
- Mệnh giá cổ phần:

5. Số cổ phần, loại cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua:
6. Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán:
7. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....
8. Tên, địa chỉ chi nhánh:.....
9. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:
10. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các cổ đông sáng lập cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng

ký kinh doanh.

- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa chỉ: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề

ngộ đăng ký kinh doanh:

-
-
-

Mẫu Danh sách thành viên cổ đông sáng lập công ty cổ phần

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân hoặc Giấy CNĐKKD đối với doanh nghiệp, hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp								Chữ ký của cổ đông sáng lập
									Tổng số cổ phần		Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn		
									Số lượng	Giá trị	Số hữu vốn	Phổ thông				
												Số lượng	Giá trị	Số lượng		Giá trị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

....., ngày tháng năm
 Đại diện theo pháp luật của công ty
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột 11 ghi tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập.
- Tài sản hình thành tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản trị góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản trị góp vốn cổ phần; thời điểm trị góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.
- Sở hữu vốn: Nhà nước (NN), Dân doanh (DD), tổ chức chính trị, xã hội (TCCT, TCXH), Việt kiều (VK), Nước ngoài (Ngoài).
- Thời điểm góp vốn: Vốn cổ phần của cổ đông sáng lập phải được góp đủ ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

107. Thủ tục sáp nhập các công ty cổ phần

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là cổ đông sáng lập hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (ngành, vốn, cổ đông);

+ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của công ty nhận sáp nhập về việc thay đổi (ngành, vốn, cổ đông);

+ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông nhận sáp nhập về việc thay đổi (ngành, vốn, thành viên);

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN sáp nhập kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN sáp nhập kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Hợp đồng sáp nhập có chữ ký của tất cả cổ đông;

+ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của công ty bị sáp nhập về việc sáp nhập vào công ty nhận sáp nhập;

+ Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông của công ty bị sáp nhập về việc sáp nhập vào công ty nhận sáp nhập;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu cổ đông sáng lập là tổ chức:

- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của công ty bị sáp nhập

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị sáp nhập;

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh

tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Cổ đông sáng lập

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP
(Thay đổi lần thứ.....)

Kính gửi: Phòng đăng ký kinh doanh.....

1. Tên doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*.....
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Do: Cấp ngày:/...../.....
Vốn điều lệ (Vốn đầu tư):.....
Ngành, nghề đăng ký kinh doanh:

Số TT	Mã ngành	Tên ngành

Địa chỉ trụ sở chính:
.....
Điện thoại: Fax:
Email: Website:

2. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: *(ghi bằng chữ in hoa)*
.....Nam/nữ
Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:.....
Chứng minh nhân dân số:
Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu có)*:.....
Số giấy chứng thực cá nhân:..... Ngày cấp:...../...../..... Cơ quan cấp:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

Đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh như sau:

1. Ngành nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi: *(đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh)*

Số TT	Mã ngành	Tên ngành

2. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến: (đối với trường hợp đăng ký thay đổi trụ sở chính)

.....

.....

3. Tên doanh nghiệp dự kiến thay đổi: (đối với trường hợp đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp)

.....

.....

4. Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh/Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần

(Đối với thay đổi thành viên hợp danh, ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi cư trú của thành viên hợp danh mới; của thành viên hợp danh bị khai trừ hoặc tự nguyện rút khỏi công ty;

(Đối với thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, ghi: Họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chức danh, nơi cư trú của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty)

.....

.....

5. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/Đăng ký thay đổi vốn Điều lệ công ty (đối với trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ).

(Đối với thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân, ghi: Mức vốn đăng ký thay đổi, phương thức và thời điểm thay đổi vốn đầu tư

Đối với thay đổi vốn điều lệ của công ty, ghi: Tên, địa chỉ, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số quyết định thành lập, số đăng ký kinh doanh của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu và người được ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần; Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoặc của mỗi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, tỷ lệ sở hữu được ủy quyền của từng đại diện ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo mô hình Hội đồng thành viên; vốn điều lệ dự định tăng thêm hoặc giảm xuống; thời điểm góp thêm vốn hoặc thời điểm hoàn trả lại vốn và phương thức hoàn trả).

.....

.....

6. Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần/thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (đối với trường hợp đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn).

(Đối với đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty cổ phần, ghi: Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, ngày cấp, nơi cấp, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, phần vốn góp của cổ đông sáng lập không thực hiện cam kết góp vốn. Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của các cổ đông sáng lập còn lại đối với trường hợp các cổ đông sáng lập còn lại nhận góp bù cho đủ vốn; Tên, trụ sở chính hoặc họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu có) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, ngày cấp, nơi cấp, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp sau khi góp bù của người nhận góp bù đối với những trường hợp người nhận góp bù không phải là cổ đông sáng lập.

Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, ghi: Tên, trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức, họ tên, quốc tịch, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện

tại đối với thành viên là cá nhân; giá trị vốn góp và phần vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới; Phần vốn góp đã thay đổi tương ứng đối với thành viên hiện có sau khi tiếp nhận thêm thành viên mới; trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế: ghi họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, phần vốn góp của thành viên để lại thừa kế; Họ tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện tại, quốc tịch, chữ ký và phần vốn góp của từng người nhận thừa kế, thời điểm thừa kế)

.....

.....

7. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động theo quyết định của Tòa án (đối với trường hợp đăng ký thay đổi theo quyết định của Tòa án)

Tên Tòa án:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Bản án/quyết định số:

Nội dung đăng ký thay đổi, bổ sung:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

....., ngày tháng năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH
VIÊN/CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/CHỦ TỊCH CÔNG TY/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Kèm theo thông báo:

-

-

-

108. Thủ tục hợp nhất các công ty cổ phần**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là cổ đông sáng lập hoặc đại diện theo pháp luật của công ty thì phải xuất trình giấy Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định) và văn bản ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng nhà nước;

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty hợp nhất (2 bản);

+ Dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất;

+ Danh sách cổ đông công ty hợp nhất;

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của cổ đông và người đại diện theo pháp luật: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực..

+ Nếu cổ đông sáng lập là tổ chức:

• Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao hợp lệ Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác;

• Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng;

+ Hợp đồng hợp nhất công ty;

+ Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc hợp nhất công ty;

+ Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (nếu DN hợp nhất kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề);

+ Văn bản xác nhận vốn pháp định (nếu DN hợp nhất kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định);

+ Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp bị hợp nhất.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của doanh nghiệp bị hợp nhất;

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế đối với công ty hợp nhất.

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty cổ phần;

+ Danh sách cổ đông sáng lập.

+ Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh

tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Cổ đông sáng lập

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

+ Luật Điện ảnh;

+ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Các luật chuyên ngành khác;

+ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

+ Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;

+ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

+ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;

+ Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

+ Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

+ Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh công ty cổ phần

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh.....

Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa) Nam/Nữ:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) số:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty

Đăng ký kinh doanh công ty cổ phần với nội dung sau:

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: (*ghi bằng chữ in hoa*) CÔNG TY CP.....
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):
- Tên công ty viết tắt (*nếu có*):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
- Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

4. Vốn điều lệ:
- Tổng số cổ phần:
- Mệnh giá cổ phần:

5. Số cổ phần, loại cổ phần cổ đông sáng lập đăng ký mua:
6. Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán:
7. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....
8. Tên, địa chỉ chi nhánh:.....
9. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:
10. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tôi và các cổ đông sáng lập cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng

ký kinh doanh.

- Không vi phạm Điều 8 Luật Giao thông đường bộ về sử dụng lòng, lề đường; có nơi để xe đúng quy định cho khách hàng tại địa chỉ: ...

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo Giấy đề

ngợi đăng ký kinh doanh:

-
-
-

Mẫu Danh sách thành viên cổ đông sáng lập công ty cổ phần

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân hoặc Giấy CNĐKKD đối với doanh nghiệp, hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp								Chữ ký của cổ đông sáng lập
									Tổng số cổ phần		Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn		
									Số lượng	Giá trị	Phổ thông					
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

....., ngày tháng năm
 Đại diện theo pháp luật của công ty
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cột 11 ghi tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập.
- Tài sản hình thành tổng giá trị góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản trị góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản trị góp vốn cổ phần; thời điểm trị góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.
- Sở hữu vốn: Nhà nước (NN), Dân doanh (DD), tổ chức chính trị, xã hội (TCCT, TCXH), Việt kiều (VK), Nước ngoài (Ngoài).
- Thời điểm góp vốn: Vốn cổ phần của cổ đông sáng lập phải được góp đủ ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Mẫu Bản kê khai thông tin đăng ký thuế

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

(Của

STT	Các chỉ tiêu thông tin trong Tờ khai đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố, thôn, xã hoặc hòm thư bưu điện: Tỉnh/Thành phố Quận/Huyện Điện thoại Fax: Email
2	Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh:/...../.....
3	Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh (Đánh dấu X) Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
4	Năm tài chính (ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch) Áp dụng từ ngày đến ngày
5	Tổng số lao động (dự kiến tại thời điểm đăng ký)
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/không):
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai)
8	Thông tin về đơn vị chủ quản (cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp) Tên đơn vị chủ quản: Địa chỉ trụ sở chính: Tỉnh/Thành phố: Quận/Huyện: Mã số doanh nghiệp:
9	Các loại thuế phải nộp (Nếu có thì đánh dấu X) Giá trị gia tăng <input type="checkbox"/> Tiêu thụ đặc biệt <input type="checkbox"/> Thuế xuất khẩu, nhập khẩu <input type="checkbox"/> Tài nguyên <input type="checkbox"/> Thu nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Môn bài <input type="checkbox"/> Tiền thuê đất <input type="checkbox"/> Phí, lệ phí <input type="checkbox"/> Thu nhập cá nhân <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về các đơn vị có liên quan (nếu có thì đánh dấu X) Có đơn vị thành viên <input type="checkbox"/> Có văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trực thuộc <input type="checkbox"/> Có đơn vị trực thuộc <input type="checkbox"/> Có hợp đồng với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài <input type="checkbox"/>

11	Tình trạng trước khi tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp (Nếu có thì đánh dấu X) Sáp nhập doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Hợp nhất doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Tách doanh nghiệp <input type="checkbox"/> Chia doanh nghiệp <input type="checkbox"/>
Khu vực dành cho cơ quan thuế ghi: - Mục lục ngân sách: cấp: chương loại: khoản: - Mã ngành nghề kinh doanh chính: - Phương pháp tính thuế GTGT: khấu trừ trực tiếp trên GTGT trực tiếp trên doanh số khoán không phải nộp thuế GTGT - Chi tiết mã loại hình kinh tế: - Nơi đăng ký nộp thuế: - Khu vực kinh tế: Kinh tế nhà nước kinh tế có vốn ĐTNN kinh tế tập thể Kinh tế cá thể kinh tế tư nhân <div style="text-align: right;">Ngày kiểm tra tờ khai: / / Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên)</div>	

109. Thủ tục chuyển đổi công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

* Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, số 32 Lê Thánh Tôn, quận 1:

+ Đối với người nộp hồ sơ: nếu không phải là Chủ sở hữu của công ty hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty thì phải có giấy giới thiệu của công ty.

+ Thời gian nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút (các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần);

+ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh lấy số thứ tự tại máy lấy số tự động và chờ gọi theo số thứ tự.

+ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ của Phòng Đăng ký kinh doanh:

Kiểm tra hồ sơ đăng ký kinh doanh:

• Nếu hồ sơ hợp lệ (hồ sơ có đủ giấy tờ theo thủ tục và được kê khai đầy đủ theo quy định), chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận vào và cấp giấy Biên nhận cho doanh nghiệp.

Sau khi có Biên nhận, doanh nghiệp nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định.

• Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn và ghi vào phiếu hướng dẫn chỉnh sửa hồ sơ, phát cho doanh nghiệp để doanh nghiệp có căn cứ chỉnh sửa theo quy định.

* Bước 3: Căn cứ theo ngày hẹn trên giấy Biên nhận, người đại diện theo pháp luật của công ty đến Phòng Đăng ký kinh doanh để nhận kết quả giải quyết đăng ký kinh doanh (từ 13 giờ đến 17 giờ các buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị chuyển đổi;

+ Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 22 Luật Doanh nghiệp;

+ Danh sách thành viên gồm nội dung quy định tại Điều 23 Luật Doanh nghiệp;

+ Hợp đồng chuyển nhượng, hoặc giấy tờ xác nhận việc cho, tặng một phần quyền sở hữu của công ty (trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, cho, tặng một phần sở hữu của mình tại công ty cho một hoặc một số người khác);

+ Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm phần vốn góp (trường hợp công ty huy động thêm vốn góp từ một hoặc một số người khác);

+ Giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của thành viên mới được tiếp nhận vào công ty theo quy định sau: Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: bản sao hợp lệ CMND (hoặc hộ chiếu) còn hiệu lực;

+ Nếu thành viên mới tiếp nhận là tổ chức, cần nộp thêm các loại giấy tờ sau:

- Bản sao Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác.

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân còn hiệu lực của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuê hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuê;

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuê;

* Số lượng: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

* Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:**

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 200.000 đồng/lần cấp.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị chuyển đổi;

+ Danh sách thành viên.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Chuyển đổi công ty:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi chủ sở hữu công ty đã góp đủ số vốn vào công ty như đã cam kết. Công ty được chuyển đổi bằng cách:

a) Chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, cho, tặng một phần sở hữu của mình tại công ty cho một hoặc một số người khác; hoặc

b) Công ty huy động thêm vốn góp từ một hoặc một số người khác.

+ Công ty chuyển đổi kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi.

* Tên doanh nghiệp:

+ Tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số và ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố sau đây: Loại hình doanh nghiệp; tên riêng.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 32, 33 và 34 của Luật Doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng.

+ Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp:

i) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

iii) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

+ Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp:

i) Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên bằng tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

ii) Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

+ Tên trùng và tên gây nhầm lẫn:

i) Tên trùng là tên của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

ii) Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng Việt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên doanh nghiệp đã đăng ký bởi ký hiệu “&”;

- Tên viết tắt của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái tiếng Việt ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký khác với tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;

- Tên riêng của doanh nghiệp yêu cầu đăng ký chỉ khác tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký bằng các từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc các từ có ý nghĩa tương tự, trừ trường hợp doanh nghiệp yêu cầu đăng ký là công ty con của doanh nghiệp đã đăng ký.

* Trụ sở doanh nghiệp: phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã,

thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

* Ngành nghề kinh doanh:

+ Ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân, trừ những ngành, nghề cấm kinh doanh.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

+ Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh đó vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê để bổ sung mã mới.

+ Đối với ngành, nghề kinh doanh quy định phải có chứng chỉ hành nghề, mỗi cá nhân chỉ được sử dụng chứng chỉ hành nghề để đăng ký kinh doanh ở một doanh nghiệp.

+ Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định của Chính phủ.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất phim, ngoài việc phải có các điều kiện thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp còn phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh do Bộ Văn hóa - Thông tin cấp.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phải có vốn pháp định theo quy định của Chính phủ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép phải trực tiếp tổ chức hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Quy định về Giấy phép; quyết định việc cấp, đổi, thu hồi Giấy phép.

+ Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sau đây được thành lập doanh nghiệp thẩm định giá:

i) Có đủ điều kiện về thành lập các loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tương ứng với các loại hình doanh nghiệp;

ii) Có từ 3 thẩm định viên về giá trở lên. Đối với công ty hợp danh thì tất cả thành viên hợp danh phải là thẩm định viên về giá. Đối với các doanh nghiệp khác thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá. Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp phải là thẩm định viên về giá.

* Thành viên:

+ Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp:

i) Tổ chức, cá nhân sau đây không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản.

ii) Tổ chức, cá nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Doanh nghiệp năm 2005;
- + Luật Điện ảnh;
- + Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- + Các luật chuyên ngành khác;
- + Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- + Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá;
- + Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- + Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2007 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- + Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar, nhà hàng, karaoke, vũ trường;
- + Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- + Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13 tháng 01 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;
- + Thông tư số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA ngày 29 tháng 7 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an về hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

+ Quyết định số 174/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp ngành nghề kinh doanh dọc tuyến xa lộ Hà Nội, có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2004;

+ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2004;

+ Quyết định số 99/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009;

+ Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu đối với doanh nghiệp thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2009;

+ Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2009;

+ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 2006;

+ Công văn số 8540/UBND-NC ngày 27 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch mạng lưới kinh doanh gas và quy chế chiết nạp gas, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 12 năm 2005;

+ Công văn số 8748/UBND-ĐTMT ngày 15 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện ý kiến kết luận của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến dự án xây dựng đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 8933/UBND-THKH ngày 21 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các bệnh viện, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 9185/VP-CNN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố Hồ Chí Minh về không cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 2007;

+ Công văn số 5737/UBND-THKH ngày 11 tháng 9 năm 2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với cơ sở y tế không có bệnh nhân lưu trú, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 9 năm 2008.

Mẫu Giấy đề nghị chuyển đổi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh.....

1. Tôi là: (ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)..... Nam/Nữ

Chức danh:

Sinh ngày: .../.../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:.....

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Tên công ty được chuyển đổi: (ghi bằng chữ in hoa)

Loại hình:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

Do:..... Cấp ngày: .../.../.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY TNHH
HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN NHƯ SAU:

1. Tên công ty chuyển đổi viết bằng tiếng Việt:.....

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

- Tên công ty viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)

4. Vốn điều lệ:.....

Tổng số:.....

- Phần vốn góp của mỗi thành viên được liệt kê tại Danh sách thành viên.

5. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định):.....

6. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Chức danh:
Sinh ngày: .../.../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:.....
Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Chỗ ở hiện tại:.....
Điện thoại: Fax:
Email: Website:

7. Tên, địa chỉ chi nhánh:

.....
.....

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

.....
.....

10. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

.....
.....

Tôi và các thành viên cam kết:

- Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;
- Công ty chuyển đổi kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kèm theo giấy đề nghị chuyển đổi:

-
-
-

Mẫu Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÓ
HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân hoặc Giấy CN ĐKKD đối với doanh nghiệp, hoặc QĐ thành lập đối với tổ chức khác	Vốn góp (tỉệu đồng)				Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Tổng giá trị vốn góp	Sở hữu vốn	Phần vốn góp (%)	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

TP. Hồ Chí Minh, ngày.... tháng..... năm....

Đại diện theo pháp luật của công ty

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Xem tiếp Công báo số 220 + 221)